

1. Goods and Services / Hàng hóa và Dịch vụ

- (a) Purchaser may, from time to time, issue Purchase Orders to Supplier for the Goods or Services. The issue of a Purchase Order, which incorporates these terms and conditions, creates an agreement between the Parties (a **Contract**).

Bên mua theo từng thời điểm có thể phát hành Đơn Đặt Hàng hoặc Dịch vụ cho Nhà cung cấp. Việc phát hành Đơn Đặt hàng, có sử dụng các điều khoản và điều kiện này, tạo thành thỏa thuận giữa các Bên (Hợp đồng).

- (b) Supplier must provide the Goods or Services to Purchaser in accordance with the Contract. /

Nhà cung cấp phải cung cấp Hàng hóa hoặc Dịch vụ cho Bên mua theo Hợp đồng.

2. Quality / Chất lượng

2.1 Conditions as to quality / Điều kiện về chất lượng

Supplier must ensure that the Goods or Services: /
Nhà cung cấp phải đảm bảo rằng Hàng hóa hoặc Dịch vụ:

- (a) correspond to any sample or description of the Goods or demonstration of Services provided to Purchaser; /

Tương ứng với bất kỳ mẫu hoặc mô tả nào về Hàng hóa hoặc giới thiệu Dịch vụ được cung cấp cho Bên mua;

- (b) are provided in accordance with:

được cung cấp theo:

- (i) any Quality Standards;
bất kỳ Tiêu chuẩn Chất lượng nào;
- (ii) all relevant Laws and Policies;
tất cả Luật và Chính sách có liên quan;
- (iii) Best Industry Practice;
Biện pháp Công nghiệp Tốt nhất;
- (iv) any direction by Purchaser or its Personnel; and
/ bất kỳ chỉ dẫn nào của Bên mua hoặc Nhân viên của Bên mua; và
- (v) are Fit for the Intended Purpose. /
Phù hợp với Mục đích dự kiến.

2.2 Warranties as to quality / Bảo đảm chất lượng

Supplier warrants that it will provide the Goods and Services: /

Nhà cung cấp bảo đảm rằng sẽ cung cấp Hàng hóa và Dịch vụ:

- (a) with suitably qualified, licensed and experienced personnel; /

cùng với nhân viên có trình độ phù hợp, được cấp phép và có kinh nghiệm;

- (b) in a good and workmanlike manner; and /

trong tình trạng tốt và tinh xảo; và

- (c) using goods, equipment and material of new and merchantable quality. /

sử dụng hàng hóa, thiết bị và vật liệu có chất lượng mới và tiêu thụ được.

2.3 Inspection / Kiểm tra

Purchaser may: / *Bên mua có thể:*

- (a) inspect the Goods at any time before the Goods are Delivered; and /

kiểm tra Hàng hóa bất cứ lúc nào trước khi Giao Hàng; và

- (b) inspect or audit the performance of any or all of the Services or the results of such Services. /
kiểm tra hiệu quả của bất kỳ hoặc tất cả các Dịch vụ hoặc kết quả của các Dịch vụ đó.

2.4 Deficient Services or Goods / Dịch vụ hoặc Hàng hóa bị thiếu

- (a) If: / *Nếu:*

- (i) at any time, Purchaser identifies that the Services are Deficient Services; or /

bất cứ lúc nào, Bên mua xác định rằng Dịch vụ là Dịch vụ bị thiếu; hoặc

- (ii) at any time during the Warranty Period, Purchaser identifies that the Goods are Defective Goods, /

bất cứ lúc nào trong Thời hạn Bảo hành, Bên mua xác định rằng Hàng hóa là Hàng hóa bị lỗi,

then Purchaser may in its sole discretion: /

Bên mua được toàn quyền quyết định:

- (iii) reject the Deficient Services or Defective Goods (as applicable) in whole or part and direct Supplier to: /

từ chối toàn bộ hoặc một phần Dịch vụ bị thiếu hoặc Hàng hóa bị lỗi (nếu có) và yêu cầu Nhà cung cấp:

- (A) refund any payments made by Purchaser in respect of any Deficient Services or Defective Goods (as applicable); or /

hoàn trả bất kỳ khoản tiền nào đã được Bên mua thanh toán cho bất kỳ Dịch vụ bị thiếu hoặc Hàng hóa bị lỗi nào (nếu có); hoặc

- (B) re-perform or make good, at its cost, any Deficient Services or Defective Goods (as applicable) within a reasonable timeframe; or /
bằng chi phí của mình thực hiện lại hoặc khắc phục bất kỳ Dịch vụ bị thiếu hoặc Hàng hóa bị lỗi nào (nếu có) trong khung thời gian hợp lý; hoặc

- (iv) accept the Deficient Services or Defective Goods (as applicable) and require Supplier to reimburse Purchaser for any expenses incurred as a result of the Deficient Services or

Defective Goods (as applicable), including a reduction in the Price to reflect the Deficient Services or Defective Goods (as applicable). / *chấp nhận Dịch vụ bị thiếu hoặc Hàng hóa bị lỗi (nếu có) và yêu cầu Nhà cung cấp hoàn trả cho Bên mua bất kỳ chi phí nào phải chịu do Dịch vụ bị thiếu hoặc Hàng hóa bị lỗi (nếu có), bao gồm giảm Giá để phản ánh Dịch vụ bị thiếu hoặc Hàng hóa bị lỗi (nếu có).*

- (b) Supplier will not be liable under this clause in respect of any Deficient Service or Defective Goods to the extent that an act or omission by Purchaser caused or attributed to the Service being a Deficient Service or Goods being Defective Goods. /

Theo điều khoản này, Nhà cung cấp sẽ không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ Dịch vụ bị thiếu hoặc Hàng hóa bị lỗi nào trong phạm vi hành động hoặc thiếu sót của Bên mua gây ra hoặc do Dịch vụ là Dịch vụ bị thiếu hoặc Hàng hóa là Hàng hóa bị lỗi.

- (c) Goods repaired or replaced by Supplier will be subject to the same Warranty Period as the original Goods commencing from the date on which those Goods were delivered to Purchaser following repair or replacement. /

Hàng hóa được Nhà cung cấp sửa chữa hoặc thay thế sẽ có cùng Thời hạn Bảo hành như Hàng hóa ban đầu bắt đầu từ ngày Hàng hóa đó được giao cho Bên mua sau khi sửa chữa hoặc thay thế.

2.5 Rights to survive termination / Quyền vẫn có hiệu lực sau khi chấm dứt

The rights under this clause survive the termination or expiry of the Contract. /

Các quyền theo điều khoản này vẫn có hiệu lực sau khi chấm dứt hoặc hết hạn Hợp đồng.

3. Exclusivity and minimum purchase /

Tính độc quyền và mua tối thiểu

3.1 Contract is non-exclusive /

Hợp đồng không độc quyền

- (a) Nothing in the Contract imposes an obligation of exclusivity on any member of the Purchaser Group. /

Không quy định nào trong Hợp đồng này quy định nghĩa vụ độc quyền đối với bất kỳ thành viên nào trong Nhóm Bên mua.

- (b) Any member of the Purchaser Group may engage a third party to provide any combination of goods and services of the same nature as the Goods and Services in addition to or in place of Supplier at any time and from time to time. / *Bất kỳ thành viên nào của Nhóm Bên mua có thể thuê bên thứ ba cung cấp cả hàng hóa và dịch vụ có cùng tính chất với Hàng hóa và Dịch vụ ngoài hoặc thay cho Nhà cung cấp bất cứ lúc nào và theo từng thời điểm.*

3.2 No minimum volume / Không có khối lượng tối thiểu

No member of the Purchaser Group has any obligation to purchase a minimum volume, or any particular volume, of Goods and Services from Supplier. /

Không có thành viên nào trong Nhóm Bên mua có nghĩa vụ mua khối lượng tối thiểu, hoặc bất kỳ khối lượng cụ thể nào đối với Hàng hóa và Dịch vụ từ Nhà cung cấp.

4. Compliance with laws / Tuân thủ luật pháp

Except as expressly provided otherwise, Supplier must, at its own cost, obtain all Licences required to provide the Goods and Services. /

Trừ khi được quy định rõ ràng khác, Nhà cung cấp, bằng chi phí của mình, phải có được tất cả các Giấy phép cần thiết để cung cấp Hàng hóa và Dịch vụ.

5. Assignment, novation and subcontracting / Chuyển nhượng, đổi mới và ký hợp đồng phụ

- (a) Supplier must not assign, novate or subcontract its rights or obligations under the Contract to another party without the prior written consent of Purchaser. /

Nhà cung cấp không được chuyển nhượng, đổi mới hoặc ký hợp đồng phụ quyền hoặc nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng cho một bên khác mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của Bên mua.

- (b) Purchaser may assign, or novate any or all of its rights or obligations under the Contract at any time to any person. /

Bên mua có thể chuyển nhượng, hoặc đổi mới bất kỳ hoặc tất cả các quyền hoặc nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng bất cứ lúc nào cho bất kỳ người nào.

6. Delivery / Giao hàng

6.1 Delivery Term / Thời hạn Giao hàng

Supplier must deliver the Goods or Services in accordance with the delivery term stated in the Purchase Order. If no delivery term is specified in the Purchase Order, all Goods will be delivered DDP. / *Nhà cung cấp phải giao Hàng hóa hoặc Dịch vụ theo thời hạn giao hàng được nêu trong Đơn Đặt hàng. Nếu thời hạn giao hàng không được quy định trong Đơn Đặt hàng, tất cả Hàng hóa sẽ được giao theo đến nơi chỉ định theo Incoterm DDP.*

6.2 Supply difficulties / Khó khăn về nguồn cung

If Supplier is, or reasonably believes it will be, unable to provide the Goods or Services by the Date for Delivery, Supplier must use its best endeavours to, at its own cost, obtain the Goods or Services from an alternative source or provide alternate goods or services, by the Date for Delivery. /

Nếu Nhà cung cấp không thể, hoặc có căn cứ hợp lý cho rằng sẽ không thể cung cấp Hàng hóa hoặc Dịch vụ trước Ngày Giao hàng, Nhà cung cấp phải sử dụng các nỗ lực tốt nhất của mình, bằng chi phí của mình, lấy Hàng hóa hoặc Dịch vụ từ một nguồn thay

thể hoặc cung cấp hàng hóa hoặc dịch vụ thay thế, trước Ngày Giao hàng.

6.3 Alternate supply / Nguồn cung thay thế

- (a) Where Supplier is unable to procure Goods, Services or acceptable alternative goods or services in accordance with clause 6.2 and Purchaser procures Goods or Services from an alternative supplier, then Supplier must, pay Purchaser the difference between: /

Trong trường hợp Nhà cung cấp không thể mua Hàng hóa, Dịch vụ hoặc hàng hóa hoặc dịch vụ thay thế được chấp nhận theo quy định tại Điều 6.2 và Bên mua mua Hàng hóa hoặc Dịch vụ từ một nhà cung cấp thay thế, thì Nhà cung cấp phải trả cho Bên mua khoản chênh lệch giữa:

- (i) the actual price of the goods or services purchased; and /
giá thực tế của hàng hóa hoặc dịch vụ đã mua; và
- (ii) the Price that would have been paid for the Goods or Services had Supplier satisfied its obligations. /

Giá phải trả cho Hàng hóa hoặc Dịch vụ nếu Nhà cung cấp đã hoàn thành nghĩa vụ của mình.

- (b) Purchaser must use reasonable endeavours to mitigate its cost of procuring replacement goods or services. /

Bên mua phải sử dụng các nỗ lực hợp lý để giảm thiểu chi phí mua hàng hóa hoặc dịch vụ thay thế.

7. Risk and Title / Rủi ro và Quyền sở hữu

7.1 Risk / Rủi ro

Goods will be at the risk of Supplier until Delivery. Supplier must, at its cost, make good any damage to Goods that occurs prior to Delivery. /

Nhà cung cấp sẽ chịu rủi ro Hàng hóa cho đến khi Giao hàng. Nhà cung cấp, bằng chi phí của mình, phải khắc phục bất kỳ thiệt hại nào xảy ra với Hàng hóa trước khi Giao hàng.

7.2 Title / Quyền sở hữu

- (a) Unless otherwise stated in a Purchase Order, title in Goods passes to Purchaser on the earlier of: /
Trừ khi có quy định khác trong Đơn Đặt hàng, quyền sở hữu Hàng hóa được chuyển cho Bên mua trước:

- (i) the date of Delivery; and /
ngày Giao hàng; và
- (ii) payment for the Goods. /
thanh toán Hàng hóa.

- (b) Supplier warrants that Purchaser will at all times receive full unencumbered title in Goods free of any Security Interest. /

Nhà cung cấp bảo đảm rằng Bên mua sẽ luôn luôn nhận được đầy đủ quyền sở hữu không bị cầm cố đối với Hàng hóa không có bất kỳ Biện Pháp Bảo Đảm nào.

8. Access to Site / Quyền ra vào Công trường

Provided Supplier continually complies with all of its insurance obligations and any Site Requirements under the Contract, Purchaser grants Supplier access to sufficient areas of the Site necessary for Supplier to perform its obligations under the Contract. /

Miễn là Nhà cung cấp luôn tuân thủ tất cả các nghĩa vụ bảo hiểm của mình và mọi Yêu cầu về Công trường theo Hợp đồng, Bên mua sẽ cấp cho Nhà cung cấp quyền ra vào các khu vực thích hợp của Công trường cần thiết để Nhà cung cấp thực hiện nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng.

9. Performance on Site / Thực hiện trên Công trường

Supplier must: / Nhà cung cấp phải:

- (a) use its best endeavours to not interfere with any of the activities of any member of the Purchaser Group; /

sử dụng các nỗ lực tốt nhất của mình để không can thiệp vào bất kỳ hoạt động nào của bất kỳ thành viên nào trong Nhóm Bên mua;

- (b) only access the Site in the manner and at the times provided for in the Contract or, if none are specified, as directed in writing by Purchaser; /

chỉ ra vào Công trường theo cách thức và vào các thời điểm được quy định trong Hợp đồng hoặc, nếu không được quy định, thực hiện theo chỉ dẫn bằng văn bản của Bên mua;

- (c) take all steps necessary to protect the safety of any member of the Purchaser Group, the Purchaser Group's Personnel and any invitees of a member of the Purchaser Group from risks to safety in connection with the Goods and Services; /

thực hiện tất cả các bước cần thiết để bảo vệ an toàn cho bất kỳ thành viên nào trong Nhóm Bên mua, Nhân viên của Nhóm Bên mua và bất kỳ người được mời nào của thành viên Nhóm Bên mua không bị rủi ro ảnh hưởng đến sự an toàn của Hàng hóa và Dịch vụ;

- (d) complete such safety or other training or induction as Purchaser directs from time to time; /

hoàn thành đào tạo về an toàn hoặc đào tạo hoặc giới thiệu khác theo chỉ dẫn của Bên mua trong từng thời điểm;

- (e) not do anything which may place any member of the Purchaser Group in breach of any Laws; and /

không làm bất cứ điều gì có thể khiến bất kỳ thành viên nào của Nhóm Bên mua vi phạm bất kỳ Luật pháp nào; và

- (f) keep the Site clean and tidy at all times. /

giữ Công trường luôn sạch sẽ và gọn gàng.

10. Price / Giá

- (a) Purchaser agrees to pay the Price to Supplier in accordance with the Contract. /

Bên mua đồng ý trả Giá cho Nhà cung cấp theo Hợp đồng.

- (b) Unless otherwise stated in a Purchase Order, the Price is inclusive of all costs and Taxes (excluding VAT) incurred by Supplier in supplying the Goods and performing the Services. /

Trừ khi có quy định khác trong Đơn Đặt hàng, Giá đã bao gồm tất cả các chi phí và Thuế (không bao gồm VAT) mà Nhà cung cấp phải chịu khi cung cấp Hàng hóa và thực hiện Dịch vụ.

- (c) The Price may not be increased without Purchaser's prior written consent. /

Không được tăng Giá nếu không có sự đồng ý trước bằng văn bản của Bên mua.

11. Invoicing and payment / Hóa đơn và thanh toán

11.1 Payment Claim / Yêu cầu thanh toán

Supplier must submit a Tax Invoice to Purchaser in respect of Goods or services provided: /

Nhà cung cấp phải gửi Hóa đơn Thuế cho Bên mua đối với Hàng hóa hoặc dịch vụ được cung cấp:

- (a) on Delivery of Goods or Completion of the Services; or /

khi Giao Hàng hoặc khi Hoàn thành Dịch vụ; hoặc

- (b) where the Goods or Services are provided from time to time. /

nếu Hàng hóa hoặc Dịch vụ được cung cấp theo từng thời điểm.

11.2 Payment / Thanh toán

- (a) Purchaser must pay Supplier the amount certified as being due for payment in the relevant Tax Invoice within 62 days of the end of the month in which the Tax Invoice is submitted. /

Bên mua phải trả cho Nhà cung cấp số tiền được xác nhận là phải thanh toán trong Hóa đơn Thuế có liên quan trong vòng 62 ngày kể từ ngày kết thúc tháng đã gửi Hóa đơn Thuế.

- (b) Payment is payment on account only and is not evidence of the value of the Goods or Services, an admission of liability or an admission that the Goods or Services are in accordance with the Contract. /

Thanh toán chỉ là thanh toán trả trước và không phải là bằng chứng về giá trị của Hàng hóa hoặc Dịch vụ, công nhận trách nhiệm hoặc công nhận rằng Hàng hóa hoặc Dịch vụ phù hợp với Hợp đồng.

- (c) Except to the extent expressly provided otherwise in this Contract, Supplier is solely responsible for any and all Taxes paid or payable in the supply of the Goods or the performance of the Services and they are deemed to be included in the Price. /

Ngoại trừ trong phạm vi được quy định rõ ràng khác trong Hợp đồng này, Nhà cung cấp phải

hoàn toàn chịu trách nhiệm đối với bất kỳ và tất cả các khoản thuế đã nộp hoặc phải nộp khi cung cấp Hàng hóa hoặc thực hiện Dịch vụ và các khoản thuế này được coi là đã bao gồm trong Giá.

11.3 Set-off / Bù trừ

Purchaser may deduct from any amount due, or to become due to Supplier, all debts and monies due and payable from Supplier or its Personnel to any member of the Purchaser Group under or in connection with the Contract or any other agreement between Supplier and any member of the Purchaser Group. /

Bên mua có thể khấu trừ bất kỳ số tiền nào phải trả, hoặc đến hạn phải trả cho Nhà cung cấp, tất cả các khoản nợ và tiền đến hạn và phải trả từ Nhà cung cấp hoặc Nhân viên của Nhà cung cấp cho bất kỳ thành viên nào trong Nhóm Bên mua theo hoặc liên quan đến Hợp đồng hoặc bất kỳ thỏa thuận nào khác giữa Nhà cung cấp và bất kỳ thành viên nào của Nhóm Bên mua.

12. Termination / Chấm dứt

12.1 Breach capable of remedy / Vi phạm có khả năng khắc phục

If Supplier is in breach of the Contract and that breach is capable of remedy, then Purchaser may issue Supplier with a Breach Notice. /

Nếu Nhà cung cấp vi phạm Hợp đồng và vi phạm đó có khả năng khắc phục, thì Bên mua có thể gửi cho Nhà cung cấp Thông báo Vi phạm.

12.2 Termination for Breach / Chấm dứt do Vi phạm

Purchaser may immediately terminate the Contract by notice to Supplier: /

Bên mua có thể chấm dứt ngay Hợp đồng bằng cách thông báo cho Nhà cung cấp:

- (a) if Supplier is in breach of the Contract and: /
nếu Nhà cung cấp vi phạm Hợp đồng và:

- (i) Supplier fails to remedy the breach in accordance with the terms of the relevant Breach Notice; or /

Nhà cung cấp không khắc phục vi phạm theo các điều khoản của Thông báo Vi phạm có liên quan; hoặc

- (ii) the breach is not capable of remedy /
vi phạm không có khả năng khắc phục,

- (b) if Supplier grants a Security Interest, assigns or novates the Contract other than in accordance with the terms of the Contract; or / *nếu Nhà cung cấp cấp Biện Pháp Bảo Đảm, chuyển nhượng hoặc đổi mới Hợp đồng khác với các điều khoản của Hợp đồng; hoặc*

- (c) on any other grounds specified in the Contract giving rise to a right of termination. / *dựa trên bất kỳ lý do nào khác được quy định trong Hợp đồng dẫn đến quyền chấm dứt.*

12.3 Insolvency / *Mất khả năng thanh toán*

Either Party may terminate the Contract immediately by giving a notice to the other Party if an Insolvency Event occurs in relation to that other Party. /

Một trong hai Bên có thể chấm dứt ngay Hợp đồng bằng cách thông báo cho Bên kia nếu xảy ra Sự kiện Mất khả năng thanh toán liên quan đến Bên kia.

12.4 Payment on termination / *Thanh toán khi chấm dứt*

(a) Notwithstanding any other provision of this Contract, on termination of the Contract for any reason, the sole liability of Purchaser to Supplier will be the payment of amounts payable for Goods Delivered and Services performed up to the date of termination. /

Mặc dù có bất kỳ điều khoản nào khác của Hợp đồng này, khi chấm dứt Hợp đồng vì bất kỳ lý do nào, trách nhiệm duy nhất của Bên mua đối với Nhà cung cấp là thanh toán số tiền phải trả cho Hàng hóa đã giao và Dịch vụ đã thực hiện cho đến ngày chấm dứt.

(b) Nothing in the Contract will render Purchaser liable for any costs relating to redundancy or termination payments of any Supplier Personnel or any demobilisation or similar costs incurred by any Supplier Personnel. /

Không quy định trong Hợp đồng sẽ khiến Bên mua phải chịu trách nhiệm đối với bất kỳ chi phí nào liên quan đến các khoản thanh toán cho thôi việc hoặc chấm dứt của bất kỳ Nhân viên nào của Nhà cung cấp hoặc bất kỳ chi phí giải tán hoặc chi phí tương tự nào mà bất kỳ Nhân viên nào của Nhà cung cấp phải chịu.

12.5 Clause survives termination / *Điều khoản vẫn có hiệu lực sau khi chấm dứt*

This clause survives the termination or expiry of the Contract. /

Điều khoản vẫn có hiệu lực sau khi chấm dứt hoặc hết hạn Hợp đồng.

13. Insurance / *Bảo hiểm***13.1 Insurances required to be effected by Supplier / *Bảo hiểm bắt buộc Nhà cung cấp phải ký***

Supplier will effect or cause to be effected the following insurances, which must be in place at all times during the performance of the Supplier's obligations under the Contract: /

Nhà cung cấp sẽ ký hoặc yêu cầu ký các bảo hiểm sau, phải luôn luôn được thực hiện trong suốt quá trình thực hiện nghĩa vụ của Nhà cung cấp theo Hợp đồng này:

(a) Public and Products Liability Insurance with a limit of liability of at least \$20 million per occurrence (and for products liability insurance, in the aggregate);

Bảo hiểm Trách nhiệm Công cộng và Bảo hiểm Trách nhiệm Sản phẩm có hạn mức trách nhiệm tối thiểu 20 triệu đô la mỗi vụ việc (và tổng số đối với bảo hiểm trách nhiệm sản phẩm);

[to be negotiable with BlueScope Representative / *thương lượng từng trường hợp với Đại diện BlueScope*]

(b) Motor Vehicle Insurance with a limit of liability of at least \$10 million per occurrence; and /

Bảo hiểm Xe Cơ giới với hạn mức trách nhiệm tối thiểu là 10 triệu đô la mỗi vụ việc; và

[to be negotiable with BlueScope Representative / *thương lượng từng trường hợp với Đại diện BlueScope*]

(c) Workers' Compensation Insurance. /

Bảo hiểm Bồi thường cho Người lao động.

13.2 Evidence of Insurance / *Bằng chứng bảo hiểm*

Before commencing the performance of its obligations under the Contract, and at other times requested by Purchaser, Supplier must give Purchaser, certificates of currency issued by the insurer in respect of each Insurance Policy.

Trước khi bắt đầu thực hiện nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng và vào những thời điểm khác theo yêu cầu của Bên mua, Nhà cung cấp phải cung cấp cho Bên mua văn bản xác nhận hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực do công ty bảo hiểm cấp cho mỗi Hợp đồng Bảo hiểm.

13.3 Terms of Insurance Policy / *Điều khoản của Hợp đồng Bảo hiểm*

Supplier must: / *Nhà cung cấp phải:*

(a) not do, or omit to do, anything which might vitiate, impair or derogate from the cover under any Insurance Policy or which might prejudice any claim under any Insurance Policy; /

không được thực hiện, hoặc lơ là thực hiện bất cứ điều gì có thể làm vô hiệu, giảm giá trị hoặc mất giá trị bảo hiểm theo bất kỳ Hợp đồng Bảo hiểm nào hoặc có thể làm ảnh hưởng đến bất kỳ yêu cầu bồi thường nào theo bất kỳ Hợp đồng Bảo hiểm nào;

(b) promptly notify Purchaser of any proposed variation, amendment or endorsement to any Insurance Policy which affects the amount, scope or terms of such policy or other cover and not effect, or consent to effect, any such variation, amendment or endorsement without Purchaser's approval; /

thông báo kịp thời cho Bên mua về bất kỳ thay đổi đề xuất, sửa đổi hoặc chứng thực nào đối với bất kỳ Hợp đồng Bảo hiểm nào ảnh hưởng đến số tiền, phạm vi hoặc điều khoản của hợp đồng đó hoặc bảo hiểm khác và không ký, hoặc đồng ý ký bất kỳ thay đổi, sửa đổi hoặc chứng thực nào mà không có sự chấp thuận của Bên mua;

(c) promptly give notice to Purchaser if an insurer gives notice of cancellation, avoidance or other notice in respect of any Insurance Policy and provide to Purchaser a copy of such notice; /

thông báo kịp thời cho Bên mua nếu công ty bảo hiểm đưa ra thông báo hủy, tránh hoặc

thông báo khác liên quan đến bất kỳ Hợp đồng Bảo hiểm nào và cung cấp cho Bên mua một bản sao của thông báo đó;

(d) comply at all times with the terms and conditions of each Insurance Policy. / *luôn luôn tuân thủ các điều khoản và điều kiện của từng Hợp đồng Bảo hiểm.*

(e) Where an Insurance Policy insures multiple named parties, that policy will include: / *Trường hợp Hợp đồng Bảo hiểm bảo hiểm cho nhiều bên có tên, hợp đồng đó sẽ bao gồm:*

(i) a cross-liability clause; / *điều khoản trách nhiệm chéo;*

(ii) a clause in which the insurer agrees not to impute the acts or omissions of one insured to another insured; and /

điều khoản trong đó công ty bảo hiểm đồng ý rằng việc không tiết lộ hoặc trình bày sai thông tin trước khi ký hợp đồng bảo hiểm của bất kỳ người nào sẽ không bị quy cho bất kỳ người được bảo hiểm nào khác;

(iii) a clause in which the insurer agrees that any non-disclosures or misrepresentations prior to the effecting of the policy by any person will not be imputed to any other insured. /

điều khoản trong đó công ty bảo hiểm đồng ý rằng việc không tiết lộ hoặc trình bày sai thông tin trước khi ký hợp đồng bảo hiểm của bất kỳ người nào sẽ không bị quy cho bất kỳ người được bảo hiểm nào khác.

14. Liability & Indemnities / *Trách nhiệm & bồi thường*

14.1 Liability / *Trách nhiệm*

(a) Supplier will indemnify and keep indemnified the Indemnified Parties against any Liability arising out of or in connection with:

Nhà cung cấp sẽ bồi thường và đảm bảo bồi thường cho các Bên được Bồi thường đối với bất kỳ Trách nhiệm nào phát sinh từ hoặc liên quan đến:

(i) any breach by Supplier or its Personnel of any warranty; /

việc Nhà cung cấp hoặc Nhân viên của Nhà cung cấp vi phạm bất kỳ bảo đảm nào;

(ii) any negligent, reckless or intentional act or omission of Supplier or its Personnel; / *bất kỳ hành động hoặc thiếu sót nào do bất cẩn, thiếu thận trọng hoặc cố ý của Nhà cung cấp hoặc Nhân sự của Nhà cung cấp;*

(iii) the:

(A) damage to or loss or destruction of any property of the Indemnified Parties or any third party; or

thiệt hại hoặc tổn thất hoặc phá hủy bất kỳ tài sản nào của các Bên được Bồi thường hoặc bất kỳ bên thứ ba nào; hoặc

(B) personal injury, illness or death to any person, /

thương tích cá nhân, bệnh tật hoặc tử vong của bất kỳ người nào,

arising out of or in connection with the Services./

phát sinh từ hoặc liên quan đến Dịch vụ.

(iv) any breach of Law by Supplier or its Personnel; and /

bất kỳ hành vi vi phạm pháp luật nào của Nhà cung cấp hoặc Nhân sự của Nhà cung cấp; và

(v) any Claim regarding the infringement or alleged infringement of Intellectual Property Rights of any person. /

bất kỳ khiếu nại nào liên quan đến hành vi vi phạm hoặc cáo buộc vi phạm Quyền Sở hữu Trí tuệ của bất kỳ người nào.

(b) Supplier's liability under clause 14.1(a) will be reduced proportionally to the extent that the Liability is caused or contributed to by the Indemnified Parties. /

Trách nhiệm của Nhà cung cấp theo khoản 14.1(a) sẽ giảm theo tỷ lệ tương ứng với mức độ Trách nhiệm gây ra hoặc góp phần gây ra của các Bên được Bồi thường.

(c) Each indemnity in the Contract is a continuing obligation separate and independent from Supplier's other obligations and survives termination of the Contract. /

Mỗi khoản bồi thường trong Hợp đồng là một nghĩa vụ liên tục riêng biệt và độc lập với các nghĩa vụ khác của Nhà cung cấp và vẫn có hiệu lực sau khi chấm dứt Hợp đồng.

(d) It is not necessary for any Indemnified Party to incur expense or make payment before enforcing a right of indemnity conferred by this Agreement. /

Bất kỳ Bên Được Bồi thường nào đều không cần phải chịu chi phí hoặc thanh toán trước khi thực hiện quyền bồi thường theo Thỏa thuận này.

14.2 Limit on Liability / *Giới hạn Trách nhiệm*

(a) Subject to clause 14.4 but notwithstanding any other provision of the Contract, Supplier's maximum aggregate Liability to Purchaser and its Related Companies for all Claims and Liabilities arising under or in connection with the Contract or the performance of the Services is limited to and will not exceed the General Liability Cap. /

Theo khoản 14.4 nhưng bất kể điều khoản nào khác của Hợp đồng, Trách nhiệm tổng hợp tối đa của Nhà cung cấp đối với Bên mua và các Công ty Liên quan đối với tất cả các Yêu cầu bồi thường và Trách nhiệm phát sinh theo hoặc liên quan đến Hợp đồng hoặc việc thực hiện Dịch vụ được giới hạn ở và sẽ không vượt quá Giới hạn Trách nhiệm Chung.

- (b) Notwithstanding anything else in the Contract, the maximum aggregate Liability of Purchaser, to Supplier for all Claims and Liabilities arising under or in connection with the Contract is limited to payment of the Price. / Mặc dù có bất kỳ quy định nào khác trong Hợp đồng, Trách nhiệm tổng hợp tối đa của Bên mua với Nhà cung cấp đối với tất cả các Yêu cầu bồi thường và Trách nhiệm phát sinh theo hoặc liên quan đến Hợp đồng được giới hạn ở việc thanh toán Giá.

14.3 Consequential loss / *Tổn thất do hậu quả*

Subject to clause 14.4 but notwithstanding any other provision of the Contract, neither Party will be liable to the other for any Claims or Liability in respect of any Consequential Loss suffered or incurred as a result of any breach, act or omission by the Party (whether in negligence or otherwise) (**Consequential Loss Exclusion**). /

Theo khoản 14.4 nhưng bất kể điều khoản nào khác của Hợp đồng, không Bên nào sẽ phải chịu trách nhiệm với bên nào đối với bất kỳ Yêu cầu bồi thường hoặc Trách nhiệm nào liên quan đến bất kỳ Tổn thất Do Hậu quả nào phải chịu hoặc xảy ra do bất kỳ hành vi vi phạm, hành động hoặc thiếu sót nào của Bên đó (cho dù do sơ suất hoặc lý do khác) (Loại trừ Tổn thất Do Hậu quả).

14.4 Uncapped Amounts / *Số tiền không giới hạn*

The General Liability Cap and the Consequential Loss Exclusion do not limit Supplier's Liability in respect of any Claim or Liability for any Uncapped Amount, and Supplier's Liability in respect of an Uncapped Amount will be unlimited. /

Giới hạn Trách nhiệm Chung và Loại trừ Tổn thất do Hậu quả không giới hạn Trách nhiệm của Nhà cung cấp liên quan đến bất kỳ Yêu cầu bồi thường hoặc Trách nhiệm nào đối với bất kỳ Số tiền Không giới hạn nào, và Trách nhiệm của Nhà cung cấp đối với Số tiền Không giới hạn sẽ không bị giới hạn.

15. Intellectual Property / *Sở hữu Trí tuệ*

- (a) Except as provided in this clause, nothing in the Contract affects the ownership of a Party's Intellectual Property Rights. /

Trừ khi được quy định trong điều khoản này, không quy định nào trong Hợp đồng sẽ ảnh hưởng đến quyền sở hữu Quyền Sở hữu Trí tuệ của Bên nào.

- (b) All Intellectual Property Rights (including future Intellectual Property Rights) produced by or on behalf of Supplier in connection with the Contract, both present and future (**Project IP**) remain the property of Supplier. /

Tất cả Quyền Sở hữu Trí tuệ (bao gồm cả Quyền Sở hữu Trí tuệ trong tương lai) được tạo ra bởi hoặc thay mặt cho Nhà cung cấp liên quan đến Hợp đồng, cả hiện tại và tương lai (Sở hữu Trí tuệ Dự án) vẫn là tài sản của Nhà cung cấp.

- (c) Supplier grants to each member of the Purchaser Group a perpetual, irrevocable, non-exclusive, worldwide, transferable, royalty-free

licence (including the right to sublicense) to use, exercise and exploit all Project IP and to exercise the Intellectual Property Rights in Supplier Material for any purpose in connection with the business of each member of the Purchaser Group. /

Nhà cung cấp cấp cho mỗi thành viên của Nhóm Bên mua một giấy phép vĩnh viễn, không thể hủy ngang, không độc quyền, áp dụng trên toàn thế giới, có thể chuyển nhượng, miễn phí bản quyền (bao gồm quyền cấp phép lại) để sử dụng, thực hiện và khai thác tất cả Sở hữu Trí tuệ Dự án và thực hiện Quyền Sở hữu Trí tuệ đối với Tài liệu của Nhà cung cấp cho bất kỳ mục đích nào liên quan đến hoạt động kinh doanh của từng thành viên trong Nhóm Bên mua.

- (d) Purchaser grants Supplier a non-exclusive, fully paid-up licence, to use and reproduce the Purchaser Material for the purpose of providing the Goods and Services. /

Bên mua cấp cho Nhà cung cấp giấy phép không độc quyền, đã thanh toán hết, để sử dụng và sao chép Tài liệu của Bên mua cho mục đích cung cấp Hàng hóa và Dịch vụ.

- (e) Supplier represents and warrants that the exercise of each member of the Purchaser Group's rights in respect of the Project IP and Supplier Material will not infringe any person's rights in that material, including any Intellectual Property Rights and moral rights. /

Nhà cung cấp tuyên bố và bảo đảm rằng việc thực hiện quyền của từng thành viên trong Nhóm Bên mua liên quan đến Sở hữu Trí tuệ Dự án và Tài liệu của Nhà cung cấp sẽ không vi phạm bất kỳ quyền nào của bất kỳ người nào trong tài liệu đó, bao gồm mọi Quyền Sở hữu Trí tuệ và quyền nhân thân.

- (f) The licences and obligations in this clause survive the termination or expiry of Intellectual Property Rights. /

Các giấy phép và nghĩa vụ trong điều khoản này vẫn có hiệu lực sau khi chấm dứt hoặc hết hạn Quyền Sở hữu Trí tuệ.

16. Confidential Information / *Thông tin Mật*

- (a) Subject to this clause, and to the extent necessary to perform Supplier's activities, Supplier must ensure that: /

Theo điều khoản này, và trong phạm vi cần thiết để thực hiện các hoạt động của Nhà cung cấp, Nhà cung cấp phải đảm bảo rằng:

- (i) all Confidential Information is kept confidential; and /

tất cả Thông tin Mật sẽ được giữ bí mật; và

- (ii) its Personnel and its Subcontractors maintain in confidence all Confidential Information. /

Nhân sự và Nhà thầu phụ của Nhà Cung cấp giữ bí mật tất cả Thông tin Mật.

- (b) If any Subcontractor or employee of Supplier must, incidentally to the performance of any of Supplier's activities, access Purchaser's computer system, Supplier must first procure execution by that person of a deed setting out that person's obligations in respect of confidentiality and compliance with any policies. /

Nếu bất kỳ Nhà thầu phụ hoặc nhân viên nào của Nhà cung cấp, tình cờ thực hiện bất kỳ hoạt động nào của Nhà cung cấp, phải truy cập hệ thống máy tính của Bên mua, thì Nhà cung cấp trước tiên phải yêu cầu người đó ký văn bản quy định nghĩa vụ của người đó liên quan đến việc bảo mật và tuân thủ bất kỳ chính sách nào.

- (c) The obligations under this clause survive termination of the Contract. /

Các nghĩa vụ theo điều khoản này vẫn có hiệu lực sau khi chấm dứt Hợp đồng.

17. Business Conduct provisions / Quy định Ứng xử Kinh doanh

17.1 Anti-Bribery and Corruption / Chống Hối lộ và Tham nhũng

- a. The Parties to this Contract must not offer or provide any benefit (including any payment, gift, hospitality or gratuity, whether monetary or in-kind) to any person with the intention of improperly influencing such person in the exercise of their duties (including to make a decision or to take or refrain from taking other action) / Các Bên tham gia Hợp đồng này không được tặng hoặc cung cấp bất kỳ lợi ích nào (bao gồm mọi khoản thanh toán, quà tặng, tiếp khách hoặc tiền thưởng, cho dù bằng tiền hoặc hiện vật) cho bất kỳ người nào với ý định gây ảnh hưởng không đúng cách đến người đó trong việc thực hiện nghĩa vụ của họ (bao gồm cả việc đưa ra quyết định hoặc thực hiện hoặc không thực hiện hành động khác)

- b. The Supplier represents, warrants and undertakes that: /

Nhà cung cấp cam đoan, bảo đảm và cam kết rằng:

- i. neither the Supplier nor any of its directors, officers, employees, suppliers, agents and representatives ("Personnel") have offered, authorised, promised, given, solicited or accepted, and none of the foregoing will offer, authorise, promise, give, solicit or accept, to or from any person, including any government department, agency or instrumentality or any representative thereof, whether directly or indirectly, any payment, gift, service, thing of value or other advantage where such an action would violate any applicable anti-corruption or anti-bribery law, including but not limited to the Vietnamese Anti-Corruption Law, Vietnamese Criminal Code 2015, the Australian Criminal Code Act 1995 (Cth), the US Foreign Corrupt

Practices Act 1977 and the UK Bribery Act ("Anti-Bribery and Corruption Laws"); /

Nhà cung cấp cũng như bất kỳ giám đốc, cán bộ, nhân viên, nhà cung cấp, đại lý và đại diện nào của họ ("Nhân sự") không tặng, ủy quyền, hứa hẹn, cung cấp, chào mời hoặc chấp nhận, và không ai trong số những người nêu trên sẽ tặng, ủy quyền, hứa hẹn, cung cấp, chào mời hoặc chấp nhận, cho hoặc từ bất kỳ người nào, bao gồm bất kỳ phòng ban chính phủ, cơ quan hoặc cơ quan phát hành công cụ hoặc bất kỳ đại diện nào của họ, dù trực tiếp hay gián tiếp, bất kỳ khoản thanh toán, quà tặng, dịch vụ, vật có giá trị hoặc lợi thế nào khác mà hành động đó sẽ vi phạm bất kỳ luật chống tham nhũng hoặc chống hối lộ nào, bao gồm nhưng không giới hạn Luật Chống Tham nhũng của Việt Nam, Bộ luật Hình sự Việt Nam năm 2015, Đạo luật Hình sự Úc năm 1995 (Cth), Đạo Luật Chống Tham Nhũng Tại Nước Ngoài của Hoa Kỳ năm 1977 và Đạo Luật Chống Hối Lộ của Anh Quốc ("Luật Chống Hối lộ và Chống Tham nhũng");

- ii. the Supplier and its Personnel will comply and have in the past been in full compliance with Anti-Bribery and Corruption Laws; and

Nhà cung cấp và Nhân viên của mình sẽ tuân thủ và trước đây đã tuân thủ đầy đủ các Luật Chống Hối lộ và Chống Tham nhũng; và

- iii. the Supplier shall maintain in place throughout the term of this Contract internal controls and policies and procedures to ensure compliance with Anti-Bribery and Corruption Laws (which policies and procedures shall be disclosed to the Purchaser on request) and will enforce them where appropriate. /

Nhà cung cấp sẽ duy trì trong suốt thời hạn Hợp đồng này kiểm soát nội bộ, các chính sách và quy trình để đảm bảo tuân thủ Luật Chống hối lộ và Tham nhũng (chính sách và quy trình sẽ được tiết lộ cho Bên mua theo yêu cầu) và sẽ thực thi khi thích hợp.

- iv. the Supplier agrees that upon written notice, the Purchaser may audit the books and records of Supplier concerning its performance of this Contract, and Supplier agrees to cooperate with such audit and make records and personnel available to the Purchaser or its representatives engaged in connection with any audit for the purpose of ensuring the Supplier compliance with clause 17.1 /

Nhà cung cấp đồng ý rằng khi có thông báo bằng văn bản, Bên mua có thể kiểm tra sổ sách và hồ sơ của Nhà cung cấp liên quan đến việc thực hiện Hợp đồng này, và Nhà cung cấp đồng ý hợp tác kiểm tra và cung cấp hồ sơ và nhân sự cho Bên mua hoặc đại

diện của Bên mua tham gia kiểm tra nhằm đảm bảo Nhà cung cấp tuân thủ khoản 17.1

17.2 Trade Sanctions / *Trừng phạt mậu dịch*

a. The Supplier represents and warrants that at all relevant times: /

Nhà cung cấp cam đoan và bảo đảm rằng tại mọi thời điểm có liên quan:

i. it shall comply with all financial, economic and trade sanctions (whether primary or secondary), and export controls laws and regulations (or any similar restrictions) imposed by the United Nations or the governments of Australia, the United Kingdom, European Union, the United States of America and any other country with jurisdiction over any transaction or activity contemplated by this Contract ("**Sanctions Laws**"); / *sẽ tuân thủ tất cả các luật pháp và quy định trừng phạt tài chính, kinh tế và mậu dịch (dù là chính hay phụ), và kiểm soát xuất khẩu (hoặc bất kỳ hạn chế tương tự nào) của Liên Hợp Quốc hoặc chính phủ Úc, Vương Quốc Anh, Liên Minh Châu Âu, Hoa Kỳ và bất kỳ quốc gia nào khác có thẩm quyền đối với bất kỳ giao dịch hoặc hoạt động nào theo quy định trong Hợp đồng này ("**Luật Trừng phạt**");*

ii. neither it, any of its subsidiaries, any of its or its subsidiaries respective personnel, nor any of its shareholders (or group of related shareholders) holding more than 50% of the share capital in it or its subsidiaries, is an individual or entity that is, or is owned or controlled by, or acting on behalf of, persons or entities that are designated under Sanctions Laws, or are resident in, nationals of, or organised and located in, any countries or territories that are subject to comprehensive sanctions (that effectively block all trade with sanctioned countries, at the date of this Contract namely Iran, Syria, North Korea, Cuba, or Crimea and Sevastopol) administered or enforced by the United Nations or by the governments of Australia, the United Kingdom, European Union, or the United States of America;

Nhà cung cấp, bất kỳ công ty con nào, bất kể nhân sự, cũng như bất kỳ cổ đông nào (hoặc nhóm cổ đông liên quan) nắm giữ hơn 50% vốn cổ phần của Nhà cung cấp hoặc công ty con không phải là cá nhân hay tổ chức thuộc sở hữu hoặc kiểm soát của, hoặc thay mặt cho những người hoặc tổ chức được chỉ định theo Luật Trừng phạt, hoặc là cư dân, công dân, hoặc được tổ chức và tọa lạc tại bất kỳ quốc gia hoặc vùng lãnh thổ nào phải tuân thủ biện pháp trừng phạt toàn diện (ngăn chặn hiệu quả tất cả giao dịch với các quốc gia bị trừng phạt, vào ngày ký Hợp đồng này như Iran, Syria, Bắc Triều Tiên, Cuba hoặc Crimea

và Sevastopol) do Liên Hợp Quốc hoặc chính phủ Úc, Vương Quốc Anh, Liên Minh Châu Âu hoặc Hoa Kỳ quản lý hoặc thực thi;

iii. it shall not involve any persons or entities designated under Sanctions Laws in any activities relating in any way to this Contract; and / không liên quan đến bất kỳ người hoặc tổ chức nào được chỉ định theo Luật Trừng phạt trong bất kỳ hoạt động nào liên quan đến Hợp đồng này theo bất kỳ cách thức nào; và

iv. it shall not, without the Purchaser's prior written consent, supply to the Purchaser any goods (including any components or materials incorporated into the goods) sourced from any country or territory upon which comprehensive sanctions have been imposed, or from any individual or entity sanctioned in accordance with clause 17.2(a). /

nếu không có sự đồng ý trước bằng văn bản của Bên mua, sẽ không cung cấp cho Bên mua bất kỳ hàng hóa nào (bao gồm bất kỳ thành phần hoặc nguyên liệu nào được sử dụng trong hàng hóa) có nguồn gốc từ bất kỳ quốc gia hoặc vùng lãnh thổ nào áp dụng các biện pháp trừng phạt toàn diện, hoặc từ bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào bị trừng phạt theo khoản 17.2(a).

b. In the event that the Supplier or any of its shareholders or subsidiaries (or any of it or its shareholders and subsidiaries directors, officers, employees, agents or subsidiaries), becomes designated under Sanctions Laws (or is owned or controlled by, or is acting on behalf of, a person or entity that becomes designated under Sanctions Laws), or the Purchaser considers at its sole discretion that such designation is imminent under Sanctions Laws, then the Purchaser may terminate this Contract with immediate effect by providing written notice of termination to the Supplier. /

Trong trường hợp Nhà cung cấp hoặc bất kỳ cổ đông hoặc công ty con nào của Nhà cung cấp (hoặc bất kỳ nhà cung cấp nào hoặc cổ đông và giám đốc công ty con, cán bộ, nhân viên, đại lý hoặc công ty con), bị chỉ định theo Luật Trừng phạt (hoặc thuộc sở hữu hoặc kiểm soát của, hoặc đang hành động thay mặt cho một người hoặc tổ chức bị chỉ định theo Luật Trừng phạt), hoặc Bên mua xem xét theo quyết định riêng của mình rằng việc chỉ định đó sắp xảy ra theo Luật Trừng phạt, thì Bên mua có thể chấm dứt Hợp đồng này và việc chấm dứt sẽ có hiệu lực ngay bằng cách gửi thông báo bằng văn bản về việc chấm dứt Hợp đồng cho Nhà cung cấp.

17.3 Modern Slavery / *Nô lệ Hiện đại*

a. The Supplier represents, warrants and undertakes: /*Nhà cung cấp cam đoan, bảo đảm và cam kết:*

i. that it is committed to sustainable business practices and neither the Supplier nor its

Personnel engage in Modern Slavery; / thực hành kinh doanh bền vững và cả Nhà cung cấp cũng như Nhân sự của Nhà cung cấp không liên quan đến nạn Nô lệ Hiện đại;

- ii. to comply with all statutory requirements relating to Modern Slavery including, without limitation, such requirements relating to the Supplier's business and operations and its affiliates and, to the extent applicable, their respective supply chains; /

tuân thủ tất cả các yêu cầu theo luật định liên quan đến Nạn Nô lệ Hiện đại, bao gồm, nhưng không giới hạn, các yêu cầu liên quan đến hoạt động kinh doanh và hoạt động của Nhà cung cấp và các chi nhánh và, trong phạm vi áp dụng, chuỗi cung ứng tương ứng của họ;

- iii. to develop and maintain policies and procedures to avoid engaging in Modern Slavery; and /

phát triển và duy trì các chính sách và thủ tục để tránh liên quan đến Nạn Nô lệ Hiện đại; và

- iv. to notify the Purchaser promptly upon becoming aware of any incident, complaint or allegation that the Supplier, or any entity in its supply chain, has engaged in Modern Slavery. /

thông báo kịp thời cho Bên mua khi biết về bất kỳ sự cố, khiếu nại hoặc cáo buộc nào rằng Nhà cung cấp hoặc bất kỳ tổ chức nào trong chuỗi cung ứng của Nhà cung cấp liên quan đến Nạn Nô lệ Hiện đại.

17.4 Notice / Thông báo

Upon becoming aware of any actual, reasonably suspected or anticipated breach of clause 17, the Supplier must immediately provide written notice of the breach giving full details of such breach to the Purchaser. /

Khi phát hiện ra bất kỳ vi phạm thực tế, bị nghi ngờ hoặc dự đoán vi phạm khoản 17 này, Nhà cung cấp phải gửi ngay thông báo bằng văn bản về vi phạm nêu đầy đủ chi tiết về vi phạm đó cho Bên mua.

17.5 Right of termination / Quyền chấm dứt

- a. If the Supplier is in breach of any part of clause 17, or the Purchaser reasonably suspects such a breach in its sole discretion, without prejudice to any other remedy which the Purchaser may have, the Purchaser may immediately terminate the Agreement for breach by providing written notice of termination to the Supplier. /

Nếu Nhà cung cấp vi phạm bất kỳ phần nào của khoản 17 hoặc Bên mua nghi ngờ hợp lý vi phạm đó theo quyết định riêng của mình, mà không ảnh hưởng đến bất kỳ biện pháp khắc phục nào khác mà Bên mua có thể có, Bên mua có thể chấm dứt ngay Thỏa thuận do vi phạm bằng cách gửi văn bản

thông báo chấm dứt cho Nhà cung cấp.

- b. Notwithstanding any other provision of this Contract, as a consequence of termination under clause 17, the Purchaser shall not be liable to deliver any further goods or perform any services in accordance with this Contract and shall not be liable for any loss or damage or other costs or expenses of any kind whatsoever that the Supplier may suffer as a result of such termination. /

Mặc dù có bất kỳ điều khoản nào khác của Hợp đồng này, do hậu quả của việc chấm dứt theo khoản 17, Bên mua sẽ không chịu trách nhiệm giao thêm bất kỳ hàng hóa nào hoặc thực hiện bất kỳ dịch vụ nào theo Hợp đồng này và sẽ không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại hoặc chi phí hoặc phí tổn nào khác mà Nhà cung cấp có thể phải chịu do chấm dứt đó.

- c. Any right of termination under this clause 17.5 is in addition to any other right of termination the Purchaser may have under the contract or at law. / Bất kỳ quyền chấm dứt nào theo khoản 17.5 này ngoài bất kỳ quyền chấm dứt nào khác mà Bên mua có thể có theo hợp đồng hoặc theo luật.

18. Miscellaneous / Quy định khác

18.1 Definitions / Định nghĩa

In the Contract unless the context clearly indicates otherwise: /

Trong Hợp đồng này, trừ khi bối cảnh quy định rõ ràng khác:

Authority means all persons and any government, government body, semi-government, local government, authority, administrative or judicial body, public authority, statutory corporation or instrumentality that has jurisdiction over the Goods and Services. /

Cơ quan có thẩm quyền nghĩa là tất cả thể nhân và bất kỳ chính phủ, cơ quan chính phủ, bán chính phủ, chính quyền địa phương, cơ quan có thẩm quyền, cơ quan hành chính hoặc tư pháp, cơ quan công quyền, công ty theo luật định hoặc cơ quan phát hành công cụ có thẩm quyền đối với Hàng hóa và Dịch vụ.

Best Industry Practice means exercising the degree of skill, care, diligence, efficiency, prudence and foresight which would be expected from a skilled and competent service provider experienced in providing goods and services commensurate to the type, size, value and complexity of the Goods and Services. /

Biện pháp Công nghiệp Tốt nhất nghĩa là thực hiện mức độ kỹ năng, cẩn thận, siêng năng, hiệu quả, thận trọng và nhìn xa được mong đợi từ nhà cung cấp dịch vụ lành nghề và có năng lực có kinh nghiệm trong việc cung cấp hàng hóa và dịch vụ tương xứng với loại, quy mô, giá trị và tính phức tạp của Hàng hóa và Dịch vụ.

Breach Notice means a notice issued by Purchaser specifying: /

Thông báo Vi phạm nghĩa là thông báo do Bên mua phát hành nêu rõ:

- (a) details of a breach of contract; and / thông tin chi tiết về vi phạm hợp đồng; và

- (b) requiring Supplier to remedy that breach within a reasonable time determined by Purchaser. / *yêu cầu Nhà cung cấp khắc phục vi phạm đó trong thời gian hợp lý do Bên mua xác định.*

Claim means any claim, action, demand, suit or proceeding of any nature howsoever arising and whether present or future, fixed or unascertained, actual or contingent whether in connection with these Terms and Conditions or any Purchase Order, at Law, in equity, under statute or otherwise. /

Yêu cầu bồi thường có nghĩa là bất kỳ yêu cầu bồi thường, hành động, yêu cầu, kiện tụng hoặc thủ tục tố tụng nào phát sinh và dù ở hiện tại hay tương lai, cố định hay không được xác minh, thực tế hoặc bất ngờ cho dù có liên quan đến các Điều khoản và Điều kiện này hay bất kỳ Đơn Đặt hàng nào, theo Luật, luật công bằng, quy chế hay cách khác

Confidential Information means any information in any form which: /

Thông tin Mật nghĩa là bất kỳ thông tin nào dưới bất kỳ hình thức nào:

- (a) is, by its nature, confidential or non-public; / về bản chất là bí mật hoặc không công khai;
- (b) is marked or designated or confirmed by a Party as confidential or proprietary at the time of its disclosure; or /

được một Bên đánh dấu hoặc chỉ rõ hoặc xác nhận là bí mật hoặc độc quyền tại thời điểm tiết lộ; hoặc

- (c) a Party knows or ought to know is confidential, / Một Bên biết hoặc phải biết là bí mật,

but excludes: / *nhưng không bao gồm:*

- (d) information that is in or enters the public domain through no fault of either Party; /

thông tin nằm trong hoặc thuộc phạm vi công cộng không phải do lỗi của một trong hai Bên;

- (e) information that was made available to a Party by a person (other than the other Party) who, as far as that Party knows, has or then had the unrestricted legal right to do so; /

thông tin được cung cấp cho một Bên bởi một người (không phải là Bên kia), theo như Bên đó biết, có hoặc sau đó có quyền hợp pháp không bị hạn chế được làm như vậy;

- (f) information that is required to be disclosed by Law, any Authority or the rules of a recognised securities exchange;

thông tin bắt buộc phải được tiết lộ theo quy định của Luật pháp, bất kỳ Cơ quan chức năng nào hoặc các quy tắc của sàn giao dịch chứng khoán được công nhận;

- (g) information that is disclosed to the Party's professional advisers to obtain professional advice; or /

thông tin được tiết lộ cho các cố vấn chuyên môn của Bên đó để có được lời khuyên chuyên môn; hoặc

- (h) disclosure of the information to a Related Body Corporate of the Party, provided that the

Related Body Corporate is subject to an obligation of confidence no less onerous than that owed under this Agreement. /

tiết lộ thông tin cho Doanh nghiệp có liên quan của Bên đó, với điều kiện Doanh nghiệp có liên quan phải có nghĩa vụ bảo mật nghiêm chỉnh không kém gì so với việc bảo mật theo Thỏa thuận này.

Consequential Loss means any loss of opportunity, profit, anticipated profit, business, business opportunities or revenue or any failure to realise anticipated savings. /

Tổn thất do Hậu quả nghĩa là bất kỳ việc mất cơ hội, tổn thất lợi nhuận, lợi nhuận dự kiến, hoạt động kinh doanh, cơ hội kinh doanh hoặc doanh thu nào hoặc bất kỳ việc không thực hiện tiết kiệm dự kiến nào.

Consequential Loss Exclusion has the meaning given to that term in clause 14.3. /

Loại trừ Tổn thất do Hậu quả có nghĩa được quy định cho thuật ngữ trong khoản 14.3.

Date for Delivery means the date for the Delivery of the Goods and Services as specified in the Purchase Order. /

Ngày Giao hàng nghĩa là ngày Giao Hàng hóa và Dịch vụ như quy định trong Đơn Đặt hàng.

Defective Goods means Goods which are not in conformity with the Contract. /

Hàng hóa bị lỗi nghĩa là Hàng hóa không phù hợp với Hợp đồng.

Deficient Services means Services or the results of any Services which are not in conformity with the Contract. /

Dịch vụ bị thiếu nghĩa là Dịch vụ hoặc kết quả của bất kỳ Dịch vụ nào không phù hợp với Hợp đồng.

Delivery means delivery of the Goods and performance of the Services at the Site. /

Giao hàng nghĩa là giao Hàng hóa và thực hiện Dịch vụ tại Công trường.

DDP means Delivered Duty Paid as that term is understood in the International Chamber of Commerce (ICC) rules for the use of international and domestic trade terms (2010 Edition). /

DDP nghĩa là Giao Đã nộp Thuế theo thuật ngữ đó được hiểu trong quy tắc của Phòng Thương mại Quốc tế (ICC) về việc sử dụng các điều khoản thương mại quốc tế và trong nước (Phiên bản 2010).

Excluded Liability means a Liability arising as a consequence of: /

Trách nhiệm Được Miễn trừ nghĩa là Trách nhiệm phát sinh do:

- (a) fraud, wilful misconduct (including wilful default) or criminal conduct by Supplier or its Personnel; /

gian lận, hành vi sai trái cố ý (bao gồm cả cố ý vi phạm) hoặc hành vi phạm tội của Nhà cung cấp hoặc Nhân sự của Nhà cung cấp;

- (b) the abandonment (whether wholly or substantially) of the Goods; or /

việc từ bỏ (cho dù toàn bộ hay phần lớn) Hàng hóa; hoặc

- (c) the loss of or damage to any third party property or injury to, illness or death of any person.

tổn thất hoặc hư hỏng tài sản của bên thứ ba hoặc thương tích, bệnh tật hoặc tử vong của bất kỳ người nào.

Fit for the Intended Purpose means that the Goods and Services satisfy the purposes, functions and requirements set out in, or which can reasonably be inferred from, the Contract. /

Phù hợp với Mục đích Dự kiến nghĩa là Hàng hóa và Dịch vụ đáp ứng các mục đích, chức năng và yêu cầu được quy định trong hoặc có thể được suy ra một cách hợp lý từ Hợp đồng.

General Liability Cap means the greater of: /

Giới hạn Trách nhiệm Chung có nghĩa là số tiền lớn hơn:

- (a) 200% of amounts paid under all Purchase Orders in the twelve months immediately prior to any Claim or Liability arising; and /

200% số tiền được thanh toán theo tất cả các Đơn Đặt hàng trong mười hai tháng ngay trước khi phát sinh bất kỳ Yêu cầu bồi thường hoặc Trách nhiệm nào; và

- (b) US\$1,000,000. / 1.000.000 đô la Mỹ

Goods mean the goods to be supplied by Supplier under the Contract. / *Hàng hóa* nghĩa là hàng hóa được Nhà cung cấp cung cấp theo Hợp đồng.

Holding Entity means, in relation to an entity, any person or entity which is a Subsidiary of that entity. /

Tổ chức Chủ quản, liên quan đến một tổ chức, nghĩa là bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào là Công ty con của tổ chức đó.

Indemnified Parties means each member of a Purchaser Group and their respective Personnel and an **Indemnified Party** means any of the Indemnified Parties. /

Các Bên Được Bồi thường nghĩa là mỗi thành viên của Nhóm Bên mua và Nhân viên tương ứng của họ và một **Bên Được Bồi thường** nghĩa là bất kỳ Bên Được Bồi thường nào.

Indemnified Party Loss has the meaning given in clause 18.7 /

Tổn thất của Bên Được Bồi thường có nghĩa được nêu trong khoản 14.3.

Insolvency Event in relation to an entity, means being an insolvent under administration or insolvent, or having a controller appointed, or being in receivership, in receivership and management, in liquidation, in provisional liquidation, under administration, wound up, subject to any arrangement, assignment or composition, protected from creditors under any statute, dissolved (other than to carry out a reconstruction while solvent) or being otherwise unable to pay debts when they fall due or having something with the same or a similar effect happen under the laws of any jurisdiction. /

Sự kiện Mất Khả năng Thanh toán liên quan đến tổ chức, nghĩa là: mất khả năng thanh toán bị quản lý hoặc mất khả năng thanh toán, hoặc bị chỉ định kiểm soát viên, hoặc đang bị quản lý tài sản, bị quản lý tài sản và quản lý, bị thanh lý, thanh lý tạm thời, bị quản lý, giải thể, phải thỏa thuận, chuyển nhượng hoặc khất nợ, được bảo vệ khỏi các chủ nợ theo bất kỳ đạo luật nào, bị giải thể (ngoài việc tiến hành cải tổ trong khi vẫn có khả năng trả nợ) hoặc không thể trả các khoản nợ khi đến hạn hoặc xảy ra điều giống như vậy hoặc tương tự theo luật pháp của bất kỳ khu vực pháp chế nào.

Insurance Policy means each policy of insurance required to be effected and maintained in accordance with the Contract. /

Hợp đồng bảo hiểm nghĩa là mỗi hợp đồng bảo hiểm cần được ký và duy trì theo Hợp đồng này.

Intellectual Property Rights means all present and future rights conferred by statute, common law or equity in or in relation to copyright, trade marks, designs, patents, circuit layouts, plant varieties, inventions and Confidential Information, and any other results of intellectual activity in any field whether or not registrable, registered or patentable, including rights that may exist in applications to register these rights and all renewals and extensions of these rights. /

Quyền Sở hữu Trí tuệ nghĩa là tất cả các quyền hiện có và sau này được cấp theo quy chế, luật phổ thông hoặc luật công lý hoặc liên quan đến bản quyền, nhãn hiệu thương mại, thiết kế, bằng sáng chế, bố trí mạch, giống cây trồng, phát minh và Thông tin Mật, và bất kỳ kết quả hoạt động trí tuệ nào khác trong bất kỳ lĩnh vực nào dù có thể đăng ký, đã đăng ký hoặc có thể cấp bằng sáng chế hay không, bao gồm các quyền có thể có trong các đơn đăng ký các quyền này và tất cả các đổi mới và mở rộng của các quyền này.

Law means: / **Luật** nghĩa là:

- (a) all Legislative Requirements; and / *tất cả các Yêu cầu Lập pháp; và*
- (b) any Licences/ *bất kỳ Giấy phép nào;*

Legislative Requirements means all present and future laws, decrees, decisions, circulars, regulations and other documents having the effect of law and requirements of all Authorities. / **Yêu cầu Lập pháp** nghĩa là tất cả các luật, nghị định, quyết định, thông tư, quy định và các tài liệu khác hiện nay và sau này có hiệu lực pháp luật và các yêu cầu của tất cả các Cơ quan có thẩm quyền.

Liability means any debt, obligation, Claim, action, cost (including legal costs on an indemnity basis, deductibles or increased premiums), expense, loss (whether direct or indirect), damage, losses, compensation, charge or liability of any kind (including fines or penalties), whether it is: /

Nợ phải trả nghĩa là bất kỳ khoản nợ, nghĩa vụ, Yêu cầu bồi thường, hành động, chi phí (bao gồm chi phí pháp lý trên cơ sở bồi thường, khấu trừ hoặc phí bảo hiểm tăng), chi phí, tổn thất (dù trực tiếp hay gián tiếp), thiệt hại, tổn thất, bồi thường, phí hoặc nợ phải trả dưới mọi hình thức (bao gồm tiền phạt), cho dù đó là:

- (a) actual, prospective or contingent; or / *thực tế, tiềm năng hoặc bất ngờ; hoặc*
- (b) currently ascertainable or not, / *hiện có thể xác định được hay không,*

and whether incurred or payable under the Contract or otherwise at Law. / *và cho dù phát sinh hay phải trả theo Hợp đồng hay theo Luật pháp.*

Licence means all licences, qualifications, registrations and other statutory requirements necessary for the performance of Services pursuant to and in compliance with the Contract. /

Giấy phép nghĩa là tất cả các giấy phép, thẩm định, đăng ký và các yêu cầu theo luật định khác cần thiết để thực hiện Dịch vụ theo và tuân thủ Hợp đồng.

Manufacturer's Warranty means a warranty given by the manufacturer of the Goods in relation to those Goods. / **Bảo hành của Nhà sản xuất** nghĩa là bảo hành được nhà sản xuất Hàng hóa cung cấp liên quan đến những Hàng hóa đó.

Modern Slavery means any activity, practice or conduct that would constitute an offence in relation to slavery, forced labour, involuntary servitude, debt bondage, human trafficking, and other slavery-like exploitation as prohibited under all applicable anti-slavery and human trafficking laws, statutes, regulations and codes from time to time in force including but not limited to the *Criminal Code Act 1995* (Cth), sch 1, divisions 270 and 271 and the *Modern Slavery Act 2015* (UK), sections 1, 2 and 4. For the avoidance of doubt, Modern Slavery includes any conditions or practices similar to those prohibited under those laws, statutes, regulations and codes. / **Nạn Nô lệ Hiện đại** nghĩa là bất kỳ hoạt động, biện pháp hoặc hành vi nào sẽ cấu thành hành vi vi phạm liên quan đến nô lệ, lao động cưỡng bức, nô lệ không tự nguyện, lệ thuộc vì nợ, buôn bán người và khai thác giống như nô lệ khác bị cấm theo tất cả các luật, đạo luật, quy định và bộ luật chống nô lệ và buôn bán người hiện hành, có hiệu lực theo từng thời điểm, bao gồm nhưng không giới hạn Đạo luật Bộ luật Hình sự 1995 (Cth), phụ lục 1, đoạn 270 và 271 và Đạo luật Nạn Nô lệ Hiện đại 2015 (Anh Quốc), mục 1, 2 và 4. Để tránh nhầm lẫn, Nạn Nô lệ Hiện đại bao gồm bất kỳ điều kiện hoặc biện pháp nào tương tự như những điều kiện hoặc biện pháp bị cấm theo các luật, đạo luật, quy định và bộ luật đó.

Motor Vehicle Insurance means a policy of comprehensive motor vehicle insurance covering third party property damage, or any injury to or death of any person, arising from or in relation to any plant or vehicles (registered or unregistered) in connection with the Contract or the Services. /

Bảo hiểm Xe Cơ giới là hợp đồng bảo hiểm xe cơ giới toàn diện bao gồm thiệt hại tài sản của bên thứ ba, hoặc bất kỳ thương tích hoặc tử vong của bất kỳ người nào, phát sinh từ hoặc liên quan đến bất kỳ thiết bị hoặc phương tiện nào (đã đăng ký hoặc chưa đăng ký) liên quan đến Hợp đồng hoặc Dịch vụ.

Party means Purchaser or Supplier and **Parties** has a corresponding meaning. /

Bên có nghĩa là Bên mua hoặc Nhà cung cấp và **Các Bên** có ý nghĩa tương ứng.

Personnel means: / **Nhân sự** nghĩa là:

- (a) in the case of Supplier, any of its employees, agents and representatives, any Subcontractors and any of the employees, agents and representatives of any Subcontractors, who are involved either directly or indirectly in the provision of either or both of the Goods and Services; and /

bất kỳ nhân viên, đại lý và đại diện nào của Nhà cung cấp, bất kỳ Nhà thầu phụ nào và bất kỳ nhân viên, đại lý và đại diện nào của bất kỳ Nhà thầu phụ nào, có liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến việc cung cấp một trong hai hoặc cả Hàng hóa và Dịch vụ, trong trường hợp Nhà cung cấp; và

- (b) in the case of Purchaser or any Related Company, any of their respective past or present officers, employees, agents or representatives. /

bất kỳ cán bộ, nhân viên, đại lý hoặc đại diện nào trước đây hoặc hiện tại trong trường hợp Bên mua hoặc bất kỳ Công ty Liên quan nào.

Policy means: / **Chính sách** nghĩa là:

- (a) Purchaser's Anti-Bribery & Corruption Policy; and /

Chính sách Chống Hối lộ và Tham nhũng của Bên mua; và

- (b) any other rules, plans, standards, policies and procedures of the Purchaser Group as communicated or made available to Supplier from time to time. /

bất kỳ quy tắc, kế hoạch, tiêu chuẩn, chính sách và quy trình nào khác của Nhóm Bên mua như được thông báo hoặc cung cấp cho Nhà cung cấp theo từng thời điểm.

Price means the amount payable for the Goods and Services specified in the Purchase Order and adjusted in accordance with the Contract. /

Giá nghĩa là số tiền phải trả cho Hàng hóa và Dịch vụ được quy định trong Đơn Đặt hàng và được điều chỉnh theo Hợp đồng.

Project IP has the meaning given to that term in clause 15(b). /

Sở hữu Trí tuệ Dự án có nghĩa được gán cho thuật ngữ đó trong khoản 15(b).

Public and Products Liability Insurance means a policy of insurance, written on an occurrence basis, covering all liability in respect of: /

Bảo hiểm Trách nhiệm Công cộng và Bảo hiểm Trách nhiệm Sản phẩm là hợp đồng bảo hiểm, được lập trên cơ sở sự kiện, bao gồm tất cả trách nhiệm liên quan đến:

- (a) loss of, damage to, or loss of use of property; and /

tổn thất, hư hỏng hoặc mất quyền sử dụng tài sản; và

- (b) the injury (including disease or illness) to, death of or illness of any person, /

thương tích (bao gồm cả bệnh tật hoặc ốm đau), tử vong hoặc ốm đau của bất kỳ người nào,

in connection with the Contract. / liên quan đến Hợp đồng.

Purchaser means the Party so identified in the Purchase Order. /

Bên mua nghĩa là Bên được xác định trong Đơn Đặt hàng.

Purchaser Material means any material provided by or on behalf of Purchaser to Supplier under or in connection with the Contract or the supply of the Goods and Services. /

Tài liệu của Bên mua nghĩa là bất kỳ tài liệu nào được cung cấp cho Nhà cung cấp bởi hoặc thay mặt Bên mua theo hoặc liên quan đến Hợp đồng hoặc liên quan đến việc cung cấp Hàng hóa và Dịch vụ.

Purchaser Group means Purchaser or any Related Company. /

Nhóm Bên mua nghĩa là Bên mua hoặc bất kỳ Công ty Liên quan nào.

Purchase Order means a document so identified from Purchaser to Supplier requiring the provision of Goods or the performance of the Services. /

Đơn Đặt hàng nghĩa là tài liệu được xác định từ Bên mua với Nhà cung cấp yêu cầu cung cấp Hàng hóa hoặc thực hiện Dịch vụ.

Quality Standards means all standards, codes, specifications and requirements to be complied with pursuant to the Contract or by Law. /

Tiêu chuẩn Chất lượng nghĩa là tất cả tiêu chuẩn, quy tắc, thông số kỹ thuật và yêu cầu phải tuân thủ theo Hợp đồng hoặc theo Luật.

Related Body Corporate means in relation to any person or entity (in this definition, the First Entity), an entity which: /

Doanh nghiệp Liên quan, liên quan đến bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào (theo định nghĩa này là Tổ chức Thứ nhất), nghĩa là tổ chức:

- (a) is a Subsidiary of the First Entity; / là Công ty con của Tổ chức Thứ nhất;
- (b) is a Holding Entity of the First Entity; or / là Tổ chức Chủ quản của Tổ chức Thứ nhất; hoặc
- (c) has a Holding Entity which is also a Holding Entity of the First Entity. / có Tổ chức Chủ quản cũng là Tổ chức Chủ quản của Tổ chức Thứ nhất

Related Company means: /

Công ty Liên quan nghĩa là:

- (a) a Related Body Corporate of Purchaser; and / Doanh nghiệp Liên quan của Bên mua; và
- (b) any joint venture, whether incorporated or not, in relation to which Purchaser, or a Related Body Corporate of Purchaser, has the ability to influence the business decisions of that joint venture and which Purchaser notifies Supplier is to receive Goods or Services. /

bất kỳ liên doanh nào, dù có được thành lập hay không, liên quan đến Bên mua hoặc Doanh nghiệp Liên quan của Bên mua, có khả năng ảnh hưởng đến các quyết định kinh doanh của liên doanh đó và Bên mua thông báo cho Nhà cung cấp sẽ nhận Hàng hóa hoặc Dịch vụ.

Security Interest means any mortgage, charge, pledge, hypothecation or lien or any security or preferential interest of any kind, or arrangement with any creditor. /

Biện Pháp Bảo Đảm nghĩa là các biện pháp thế chấp, bảo chứng, cầm cố, thế nợ hoặc lưu giữ tài sản hoặc bất kỳ bảo đảm hoặc biện pháp ưu đãi nào dưới bất kỳ hình thức nào, hoặc thỏa thuận với bất kỳ chủ nợ nào.

Services means the services to be performed by Supplier specified in the Purchase Order. /

Dịch vụ nghĩa là các dịch vụ được Nhà cung cấp thực hiện theo quy định trong Đơn Đặt hàng.

Site means the site for Delivery of the Goods and Services as specified in the Purchase Order. /

Công trường nghĩa là địa điểm để Giao Hàng hóa và Dịch vụ như được quy định trong Đơn Đặt hàng.

Site Requirements means the requirements relating to working on or around the Site as Purchaser provided to Supplier in writing whether as part of a Purchase Order or otherwise. /

Yêu cầu về Công trường nghĩa là các yêu cầu liên quan đến hoạt động trên hoặc xung quanh Công trường do Bên mua cung cấp cho Nhà cung cấp bằng văn bản cho dù là một phần của Đơn Đặt hàng hay cách khác.

Subcontractor means any contractor or subcontractor (including consultants and suppliers) engaged by Supplier and those contractor's or subcontractor's employees, officers, agents, consultants and contractors. /

Nhà thầu phụ nghĩa là bất kỳ nhà thầu hoặc nhà thầu phụ nào (bao gồm cả chuyên gia tư vấn và nhà cung cấp) được Nhà cung cấp thuê và nhân viên, cán bộ, đại lý, chuyên gia tư vấn và nhà thầu của nhà thầu hoặc nhà thầu phụ đó.

Subsidiary means, in relation to a person or entity (in this definition, the **First Entity**), an entity of which the First Entity has Control. For the avoidance of doubt, any entity which is a Subsidiary of the First Entity will also be a Subsidiary of any further entity of which the First Entity is a Subsidiary. /

Công ty con, liên quan đến thể nhân hoặc tổ chức (theo định nghĩa này là **Tổ chức Thứ nhất**), nghĩa là tổ chức mà Tổ chức Thứ nhất có quyền Kiểm soát. Để tránh nhầm lẫn, bất kỳ tổ chức nào là Công ty con của Tổ chức Thứ nhất cũng sẽ là Công ty con của bất kỳ tổ chức nào khác mà Tổ chức Thứ nhất là Công ty con.

Supplier means the Party so identified in the Purchase Order. / **Nhà cung cấp** nghĩa là Bên được xác định trong Đơn Đặt hàng.

Supplier Material means any material provided to the Purchaser Group by Supplier or on Supplier's behalf in connection with the Contract. /

Tài liệu của Nhà cung cấp nghĩa là bất kỳ tài liệu nào được cung cấp cho Nhóm Bên mua bởi Nhà cung cấp hoặc nhân danh Nhà cung cấp liên quan đến Hợp đồng.

Tax means any present and future tax, levy, impost, duty, rate, charge, fee, deduction or withholding of any nature imposed or levied by an Authority, together with any penalties, fines or interest thereon. /

Thuế nghĩa là bất kỳ loại thuế, thuế quan, thuế suất, phí, lệ phí, khấu trừ hoặc thuế khấu lưu hiện tại và sau này có bất kỳ tính chất nào được áp đặt hoặc theo quy định của Cơ quan chức năng, cùng với bất kỳ hình phạt, tiền phạt hoặc tiền lãi nào.

Tax Invoice means an invoice which complies with the applicable Law in relation to the production and form of tax invoices for VAT purposes. /

Hóa đơn Thuế là hóa đơn tuân thủ Luật hiện hành liên quan đến việc lập hóa đơn thuế và mẫu hóa đơn thuế cho mục đích VAT.

VAT means any value added tax or other sales tax imposed in Vietnam. /

VAT nghĩa là bất kỳ thuế giá trị gia tăng nào hoặc thuế tiêu thụ khác theo quy định tại Việt Nam.

Uncapped Amounts means any: / **Số tiền không giới hạn** nghĩa là bất kỳ:

- (a) amounts received by Purchaser or Supplier in connection with any Claims or Liabilities pursuant to any one or more Insurance Policies or that would otherwise have been received pursuant to any one or more Insurance Policies, but for: /

số tiền nào Bên mua hoặc Nhà cung cấp nhận được liên quan đến bất kỳ Yêu cầu bồi thường hoặc Trách nhiệm nào theo bất kỳ một hoặc nhiều Hợp đồng Bảo hiểm nào hoặc sẽ được nhận theo bất kỳ một hoặc nhiều Hợp đồng Bảo hiểm nào, nếu không có:

- (i) the operation of the General Liability Cap; or /

việc áp dụng Giới hạn Trách nhiệm Chung; hoặc

- (ii) any act or omission of Supplier or its Personnel, including a failure by Supplier to fulfil its obligations under the Contract and the Insurance Policies, or due to an Insolvency Event in respect of the insurer; /

bất kỳ hành động hoặc thiếu sót nào của Nhà cung cấp hoặc Nhân sự của Nhà cung cấp, bao gồm cả việc Nhà cung cấp không thực hiện nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng và Hợp đồng Bảo hiểm, hoặc do Sự kiện Mất khả năng Thanh toán liên quan đến công ty bảo hiểm;

- (b) deductible under any Insurance Policy which Supplier is liable to pay; / *khấu trừ theo*

bất kỳ Hợp đồng Bảo hiểm nào mà Nhà cung cấp phải thanh toán;

- (c) interest payable by Supplier; / *lãi phải trả của Nhà cung cấp;*
- (d) amount paid or payable by Supplier in respect of any breach of Law; / *số tiền Nhà cung cấp đã trả hoặc phải trả do vi phạm Pháp luật;*
- (e) Liability of an Indemnified Party arising out of third party claims to the extent Supplier would have been liable to such third parties had the claim been brought against Supplier; / *Trách nhiệm của Bên Được Bồi thường phát sinh từ các yêu cầu bồi thường của bên thứ ba trong phạm vi Nhà cung cấp phải chịu trách nhiệm đối với các bên thứ ba đó nếu Nhà cung cấp bị yêu cầu bồi thường;*
- (f) amounts resulting from any claims for infringement of the Intellectual Property Rights of any person or breach of confidentiality; and / *số tiền phát sinh từ bất kỳ yêu cầu bồi thường nào do vi phạm Quyền Sở hữu Trí tuệ của bất kỳ người nào hoặc vi phạm tính bảo mật; và*
- (g) any Excluded Liabilities. / *bất kỳ Trách nhiệm Loại trừ nào.*

Warranty Period means in respect of the Goods, either; /

Thời hạn Bảo hành đối với Hàng hóa nghĩa là;

- (a) the period commencing on the date on which those Goods are delivered and ending on the expiry of 12 months; *or thời hạn bắt đầu vào ngày Hàng hóa được giao và kết thúc khi hết 12 tháng; hoặc*
- (b) the period of any applicable Manufacturer's Warranty, / *thời hạn của bất kỳ Bảo hành hiện có nào của Nhà sản xuất,*

whichever is longer. / *tùy theo thời hạn nào dài hơn.*

Workers' Compensation Insurance means insurance as required by Law which fully insures any injury, damage, expense, loss or liability suffered or incurred by any person engaged by Supplier in the supply of the Goods or the performance of the Services in accordance with the Contract (or their dependants). / **Bảo hiểm Bồi thường cho Người lao động** nghĩa là bảo hiểm theo yêu cầu của Pháp luật bảo hiểm đầy đủ mọi thương tích, thiệt hại, chi phí, tổn thất hoặc trách nhiệm phải chịu hoặc phát sinh của bất kỳ người nào do Nhà cung cấp thuê để cung cấp Hàng hóa hoặc thực hiện Dịch vụ theo Hợp đồng (hoặc người phụ thuộc của họ).

18.2 Interpretation / **Giải thích**

In the Contract unless expressly provided otherwise: / *Trong Hợp đồng này trừ khi có quy định rõ ràng khác:*

- (a) a reference to this Agreement or another instrument, Licence, Policy, code or standard means this Agreement, that other instrument, Licence, Policy, code or standard and includes any variation, supplement, assignment, novation, substitution or replacement of any of them; /

tham chiếu đến Thỏa thuận này hoặc công cụ khác, Giấy phép, Chính sách, quy tắc hoặc tiêu chuẩn nghĩa là Thỏa thuận này, công cụ, Giấy phép, Chính sách, quy tắc hoặc tiêu chuẩn khác đó và bao gồm bất kỳ thay đổi, bổ sung, chuyển nhượng, cải tiến hoặc thay thế bất kỳ Thỏa thuận, công cụ, Giấy phép, Chính sách, quy tắc hoặc tiêu chuẩn nào khác;

(b) the singular includes the plural and vice versa; / số ít bao gồm cả số nhiều và ngược lại;

(c) includes or including means includes or including without limitation; / bao gồm nghĩa là bao gồm nhưng không giới hạn;

(d) a reference to a person includes a natural person, firm, partnership, body corporate, unincorporated association, authority or any other organisation or legal entity; /

tham chiếu đến một người bao gồm một thể nhân, công ty, hợp danh, doanh nghiệp, hiệp hội chưa thành lập, cơ quan thẩm quyền hoặc bất kỳ tổ chức hoặc pháp nhân nào khác;

(e) a reference to a natural person includes a reference to the person's executors, administrators, successors, substitutes (including, persons taking by novation) and assigns; /

tham chiếu đến thể nhân bao gồm tham chiếu đến người thi hành, người quản lý, người kế thừa, người thay thế (bao gồm cả những người tham gia do đổi mới) và người nhận chuyển nhượng của thể nhân đó;

(f) a reference to a corporation includes its successors and permitted assigns; / tham chiếu đến công ty bao gồm những người kế nhiệm và người được phép nhận chuyển nhượng;

(g) a reference to a body or Authority which ceases to exist is a reference to either a body or Authority that the Parties agree to substitute for the named body or Authority or, failing agreement, to a body or Authority having substantially the same objects as the named body or Authority; /

tham chiếu đến cơ quan hoặc Cơ quan quản lý không còn tồn tại là tham chiếu đến cơ quan hoặc Cơ quan quản lý mà các Bên đồng ý thay thế cho cơ quan hoặc Cơ quan quản lý đã nêu tên hoặc, không đồng ý, là tham chiếu đến cơ quan hoặc Cơ quan quản lý có cùng đối tượng như cơ quan hoặc Cơ quan quản lý được nêu tên;

(h) if a period of time is specified and dates from a given day or the day of an act or event, it is to be calculated exclusive of that day; / nếu một khoảng thời gian được quy định và tính từ một ngày nhất định hoặc ngày xảy ra hành động hoặc sự kiện, thì khoảng thời gian đó sẽ không bao gồm ngày đó;

(i) a reference to a time is to that time in the State or Territory in which the Goods are Delivered or the Services are performed; /

tham chiếu đến một thời điểm là tham chiếu đến thời điểm đó tại Tiểu bang hoặc Lãnh thổ nơi giao Hàng hóa hoặc thực hiện Dịch vụ;

(j) a requirement to do anything includes a requirement to cause or procure that thing to be done and a requirement not to do anything includes a requirement to prevent that thing being done; /

yêu cầu làm bất cứ điều gì bao gồm yêu cầu làm hoặc thực hiện điều đó và yêu cầu không làm bất cứ điều gì bao gồm yêu cầu ngăn cản không thực hiện điều đó;

(k) a word that is derived from a defined word has a corresponding meaning; / một từ có nguồn gốc từ một từ đã được định nghĩa sẽ có nghĩa tương ứng;

(l) any reference to a right or a discretion on the part of a member of the Purchase Group means that member of the Purchaser Group may exercise that right or discretion in its sole and absolute discretion; /

bất kỳ tham chiếu nào đến quyền hoặc quyết định của một thành viên trong Nhóm Bên mua có nghĩa là thành viên của Nhóm Bên mua có thể toàn quyền quyết định thực hiện quyền hoặc quyết định đó;

(m) a reference to VND or Vietnam Dong is to the lawful currency of the Socialist Republic of Vietnam; /

tham chiếu đến VND hoặc Việt Nam Đồng là tham chiếu đến đồng tiền hợp pháp của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

(n) headings and the table of contents are inserted for convenience only and do not affect interpretation of the Contract; and /

các tiêu đề và mục lục được thêm vào chỉ để thuận tiện và không ảnh hưởng đến việc giải thích Hợp đồng; và

(o) a reference to 'supplier', 'contractor' or 'service provider' or any similar derivative of such terms in any document comprising this Contract will be taken to mean Supplier. / tham chiếu đến 'nhà cung cấp', 'nhà thầu', hoặc 'nhà cung cấp dịch vụ', hoặc bất kỳ phái sinh tương tự nào của các thuật ngữ đó trong bất kỳ tài liệu nào bao gồm Hợp đồng này sẽ có nghĩa là Nhà cung cấp.

18.3 Inconsistency / Mâu thuẫn

Unless expressly provided otherwise, to the extent of any inconsistency between the terms set out in these terms and conditions or a Purchase Order issued pursuant to these terms and conditions, the terms of the Purchase Order shall prevail. /

Trừ khi có quy định rõ ràng khác, trong phạm vi xảy ra bất kỳ mâu thuẫn nào giữa các điều khoản được quy định trong điều khoản và điều kiện này hoặc Đơn Đặt hàng được phát hành theo điều khoản và điều kiện này, thì các điều khoản của Đơn Đặt hàng sẽ được áp dụng.

18.4 Construction / Giải thích

The Contract is not to be construed against a Party on the basis that the Party or its lawyers were responsible for its drafting. /

Hợp đồng sẽ không được giải thích dựa vào một Bên trên cơ sở rằng Bên đó hoặc luật sư của Bên đó chịu trách nhiệm soạn thảo.

18.5 Form of Notice / Mẫu Thông báo

Any notice, demand, approval, consent, request or other communication in relation to this Agreement (Notice) will: /

Mọi thông báo, yêu cầu, phê duyệt, chấp thuận, đề nghị hoặc thông tin khác liên quan đến Thỏa thuận này (Thông báo) sẽ:

- (a) be in writing in English and/or Vietnamese; / được lập thành văn bản bằng tiếng Anh và/hoặc tiếng Việt;
- (b) be marked for the attention of BlueScope or Supplier (as applicable); and / được đánh dấu là kính gửi BlueScope hoặc Nhà cung cấp (nếu có); và
- (c) be given at the recipient's business address or as notified otherwise by being: / được cung cấp theo địa chỉ kinh doanh của người nhận hoặc như được thông báo khác bằng cách:
 - (i) hand delivered; *gửi trực tiếp;*
 - (ii) sent by email; *gửi qua email;*
 - (iii) sent by prepaid mail within Vietnam; or / gửi bằng thư trả trước trong phạm vi Việt Nam; hoặc
 - (iv) sent by prepaid Express Post International (or overseas equivalent) airmail if the sender and the recipient are in different countries. / gửi bằng đường hàng không trả trước Express Post International (hoặc tương đương ở nước ngoài) nếu người gửi và người nhận ở các quốc gia khác nhau.

18.6 Giving of Notice / Đưa ra Thông báo

- (a) A Notice is given if: / Thông báo được đưa ra nếu:
 - (i) hand delivered, on the date of delivery; / được giao tận tay, vào ngày giao;
 - (ii) sent by email, on the date shown by a printed "read receipt" generated by the sender's computer; / gửi qua email, vào ngày được hiển thị bằng "biên nhận đã đọc" được in bằng máy tính của người gửi;
 - (iii) sent by prepaid mail within Vietnam, on the third day after posting; / gửi bằng thư trả trước trong phạm vi Việt Nam, vào ngày thứ ba sau khi gửi;
 - (iv) sent by airmail, on the seventh day after posting. / gửi qua đường hàng không, vào ngày thứ bảy sau khi gửi.

- (b) A Notice takes effect from the time it is given unless a later time is specified in it. /

Thông báo có hiệu lực kể từ thời điểm được đưa ra trừ khi thời gian muộn hơn được quy định trong Thông báo.

18.7 Related Companies / Các Công ty Liên quan

Supplier acknowledges and agrees that: /

Nhà cung cấp xác nhận và đồng ý rằng:

- (a) Purchaser enters into the Agreement on its own behalf and on trust for each Related Company; / Bên mua ký Thỏa thuận vì mục đích của mình và cho mỗi Công ty Liên quan;
- (b) Purchaser's Related Companies may make use of the Goods and are entitled to receive the benefit of Supplier's other obligations under the Agreement. / Các Công ty Liên quan của Bên mua có thể sử dụng Hàng hóa và có quyền nhận các lợi ích từ các nghĩa vụ khác của Nhà cung cấp theo Thỏa thuận.
- (c) the Indemnified Parties (other than Purchaser) will have no Liability under this Agreement or a Purchase Order to Supplier; / Các Bên Được Bồi thường (không phải là Bên mua) sẽ không có Trách nhiệm với Nhà cung cấp theo Thỏa thuận này hoặc Đơn Đặt hàng;
- (d) a breach of this Agreement or a Purchase Order may result in loss or damage being suffered by the Indemnified Parties (Indemnified Party Loss); and / vi phạm Thỏa thuận này hoặc Đơn Đặt hàng có thể dẫn đến tổn thất hoặc thiệt hại cho các Bên Được Bồi thường (Tổn thất của Bên Được Bồi thường); và
- (e) it will pay to Purchaser an amount equal to any Indemnified Party Loss suffered by any Indemnified Party (subject to any limitations of liability under this Agreement). / Nhà cung cấp sẽ trả cho Bên mua một khoản tiền tương đương với bất kỳ Tổn thất nào của Bên Được Bồi thường mà bất kỳ Bên Được Bồi thường nào phải chịu (theo bất kỳ giới hạn trách nhiệm nào trong Thỏa thuận này).

18.8 Purchaser holds for the benefit of each Indemnified Party /

Bên mua duy trì vì lợi ích của mỗi Bên Được Bồi thường

Each Party to the Contract acknowledges and agrees that Purchaser and each Related Company holds each exception, limitation, defence, immunity or other benefit contained in the Contract on behalf of and for the benefit of each Indemnified Party. /

Mỗi Bên trong Hợp đồng xác nhận và đồng ý rằng Bên mua và mỗi Công ty Liên quan duy trì từng ngoại lệ, giới hạn, bảo vệ, miễn trừ hoặc lợi ích khác có trong Hợp đồng thay mặt và vì lợi ích của mỗi Bên Được Bồi thường.

18.9 No reliance / Không phụ thuộc

Without limiting any other provision of the Contract, Supplier represents and warrants that: /

Không giới hạn bất kỳ điều khoản nào khác của Hợp đồng, Nhà cung cấp cam đoan và bảo đảm rằng:

- (a) it has not entered into the Contract in reliance on any representation expressly or impliedly given by or on behalf of Purchaser; and /

Nhà cung cấp ký Hợp đồng không dựa trên bất kỳ cam đoan nào được đưa ra rõ ràng hoặc ngụ ý bởi hoặc thay mặt Bên mua; và

- (b) it has made its own inquiries as to the Licences which apply to the supply of the Goods and the performance of the Services. /

Nhà Cung cấp đã đưa ra các yêu cầu riêng về Giấy phép áp dụng cho việc cung cấp Hàng hóa và thực hiện Dịch vụ.

18.10 Relationship of Parties / Quan hệ của Các Bên

- (a) Nothing in the Contract creates a joint venture, partnership, or the relationship of principal and agent, or employee and employer between the parties. /

Không quy định nào trong Hợp đồng tạo ra một liên doanh, hợp danh, hoặc mối quan hệ giữa bên ủy thác và đại lý, hoặc nhân viên và người sử dụng lao động giữa các bên.

- (b) Neither Party has the authority to bind the other Party by any representation, declaration or admission, or to make any contract or commitment on behalf of the other Party or to pledge the other Party's credit. /

Không Bên nào có quyền ràng buộc Bên kia bằng bất kỳ cam đoan, tuyên bố hoặc chấp nhận nào, hoặc thực hiện bất kỳ hợp đồng hoặc cam kết nào thay mặt cho Bên kia hoặc thế chấp tín dụng của Bên kia.

18.11 Governing Law / Luật Điều chỉnh

- (a) The Contract is governed by the laws of Vietnam. / Hợp đồng được điều chỉnh theo luật pháp Việt Nam.

- (b) Both Parties irrevocably submits any dispute to the Singapore International Arbitration Centre (SIAC) for final resolution in accordance with the Arbitration Rules of the Singapore International Arbitration Centre (SIAC Rules) for the time being in force. /

Cả hai Bên đồng ý đưa bất kỳ tranh chấp nào ra Trung tâm Trọng tài Quốc tế Singapore (SIAC) để giải quyết cuối cùng theo Quy tắc Trọng tài của Trung tâm Trọng tài Quốc tế Singapore (Quy tắc SIAC) trong thời gian có hiệu lực.

18.12 Waiver / Từ bỏ

A right created by the Contract cannot be waived except in writing signed by the Party entitled to that right. Delay by a Party in exercising a right does not constitute a waiver of that right, nor will a waiver (either wholly or in part) by a Party of a right operate

as a subsequent waiver of the same right or of any other right of that Party. /

Quyền được tạo ra theo Hợp đồng không thể từ bỏ trừ khi được lập thành văn bản có chữ ký của Bên có quyền từ bỏ. Việc một Bên chậm thực hiện quyền không cấu thành việc từ bỏ quyền đó, cũng như việc từ bỏ (toàn bộ hoặc một phần) quyền của một Bên không được coi là từ bỏ tiếp quyền đó hoặc bất kỳ quyền nào khác của Bên đó.

18.13 Severance / Tính hiệu lực từng phần

If any clause or part of any clause is in any way unenforceable, invalid or illegal, it is to be read down so as to be enforceable, valid and legal. If this is not possible, the clause (or where possible, the offending part) is to be severed from the Contract without affecting the enforceability, validity or legality of the remaining clauses (or parts of those clauses) which will continue in full force and effect. /

Nếu bất kỳ điều khoản nào hoặc một phần của bất kỳ điều khoản nào không thể thi hành, không hợp lệ hoặc bất hợp pháp theo bất kỳ cách nào, thì điều khoản đó phải được hiểu tách biệt để có thể được thi hành, hợp lệ và hợp pháp. Nếu không thể thực hiện điều này, thì điều khoản đó (hoặc nếu có thể, phần vi phạm) sẽ được cắt khỏi Hợp đồng mà không ảnh hưởng đến khả năng thi hành, tính hợp lệ hoặc tính hợp pháp của các điều khoản còn lại (hoặc một phần của các điều khoản đó) sẽ tiếp tục có hiệu lực.

18.14 Preservation of existing rights / Bảo lưu các quyền hiện có

The expiration or termination of the Contract does not affect any right that has accrued to a Party before the expiration or termination date. /

Việc hết hạn hoặc chấm dứt Hợp đồng không ảnh hưởng đến bất kỳ quyền nào được cấp cho một Bên trước ngày hết hạn hoặc ngày chấm dứt.

18.15 No merger / Không hợp nhất

Any right or obligation of any Party that is expressed to operate or have effect on or after the completion, expiration or termination of the Contract for any reason, will not merge on the occurrence of that event but will remain in full force and effect. /

Bất kỳ quyền hoặc nghĩa vụ nào của bất kỳ Bên nào để thực hiện hoặc có hiệu lực vào hoặc sau khi hoàn thành, hết hạn hoặc chấm dứt Hợp đồng vì bất kỳ lý do gì, sẽ không hợp nhất khi xảy ra sự kiện đó mà sẽ vẫn có hiệu lực.